

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2022

V/v: Ly hôn giữa

chị H và anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thủy

2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1971

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1968

Đều ở địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh T đều có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-4-2022, biên bản lấy lời khai ngày 06-5-2022 và đơn xin xử vắng mặt đề ngày 03-6-2022, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 05-01-1990. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng sống ly thân từ ngày

04-02-2022 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Văn T, sinh năm 1990 và Trần Thị Ánh Ng, sinh năm 2000. Hiện cả 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị H không thể đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án được, đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp.

Tại Biên bản lấy lời khai vào ngày 25-5-2022 và đơn xin xử vắng mặt đề ngày 06-6-2022, anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Đoàn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 05-01-1990. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, chị H có đơn khởi kiện ly hôn, anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị H.

Về nuôi con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Trần Văn T, sinh năm 1990 và Trần Thị Ánh Ng, sinh năm 2000. Hiện cả 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, do công việc bận nên anh T đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Trần Văn T; về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung

là Trần Văn T, sinh năm 1990 và Trần Thị Ánh Ng, sinh năm 2000. Hiện cả 02 con đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng; về chia tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Anh T đang cư trú tại Tổ dân phố Tây Xuyên, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị H và anh T đều có đơn xin xử vắng mặt, chị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* Chị Đoàn Thị H và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 05-01-1990 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh T là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị H, anh T sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung:* Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Văn T, sinh năm 1990 và Trần Thị Ánh Ng, sinh năm 2000. Hiện cả 02 con đã trưởng thành và tự lập được về kinh tế nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.

[5] *Về chia tài sản:* Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị H và anh Trần Văn T.
2. Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Văn T, sinh năm 1990 và Trần Thị Ánh Ng, sinh năm 2000. Hiện cả 02 con đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng.
3. Về chia tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003684 ngày 06-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị H đã nộp đủ tiền án phí).
5. Quyền kháng cáo: Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên